

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 236/SKH-CN-VP ngày 12 tháng 3 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

1. Cập nhật thủ tục hành chính mới được công bố vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định; Niêm yết, công khai thủ tục hành chính này trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị;

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính này và hoàn thành việc cấu hình thủ tục hành chính trên phần mềm Hệ thống xử lý một cửa tập trung;

3. Triển khai thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định sau:

1. Quyết định số 2335/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền

giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế;

3. Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ) (gửi qua mạng);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, TX, Tp Huế (gửi qua mạng);
- Các PCVP UBND tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VH, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Thiên Định

Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

(Ban hành theo Quyết định số: 770 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thực hiện 4 tại chỗ	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và Công nghệ (28 TTHC)						
1.	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp 1.005360		20 ngày. Trong đó, 15 ngày tại Sở KH-CN và 05 ngày tại UBND tỉnh.	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	- Luật giám định tư pháp ngày 20/6/2012; - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ;	Thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh
2.	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp 2.000228		10 ngày. Trong đó, 07 ngày tại Sở KH-CN và 03 ngày tại UBND tỉnh.	Không		- Thông tư số 35/2014/TT-BKH-CN ngày 11/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh
3.	Đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước. 1.006427		- Đối với trường hợp đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ: 05 ngày làm việc kể từ ngày	Kinh phí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ do tổ chức, cá nhân đề nghị bảo đảm và chi trả. Mức chi áp dụng theo quy		- Luật Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ. - Thông tư số	

			nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Đối với trường hợp không phải là đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ: 45 ngày làm việc làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	định hiện hành đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước		02/2015/TT-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
4.	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người. 2.000079		45 ngày làm việc	Theo quy định hiện hành do tổ chức, cá nhân đề nghị chi trả.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế		
5.	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người. 2.002144		45 ngày làm việc	Theo quy định hiện hành do tổ chức, cá nhân đề nghị chi trả.			
6.	Đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá		22 ngày làm việc (Sở Khoa học và Công	Không			- Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014

	nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. 2.000058		nghệ: 15 ngày làm việc, UBND tỉnh: 07 ngày làm việc)			của Chính phủ; - Nghị định số 60/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ.	ngày làm việc xuống còn 22 ngày làm việc; Thẩm quyền Quyết định: UBND tỉnh
7.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1.004473		05 ngày làm việc	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ.	
8.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước 1.004460	x	15 ngày làm việc	Không quy định.		- Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
9.	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1.004467	x	05 ngày làm việc	Không		- Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.	
10.	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.		10 ngày làm việc	Không.	Trung tâm Phục vụ	- Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày	

	2.002278				hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	
11.	Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ 2.001525		05 ngày làm việc	Không.			
12.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ 1.001786		15 ngày làm việc	3.000.000 đồng.			
13.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ 1.001770	x	10 ngày làm việc	1.000.000 đồng.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của CP. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài. 	<ul style="list-style-type: none"> Gộp tên TTHC: - Cấp lại Giấy chứng nhận trong trường hợp GCN của tổ chức KHCCN bị mất; - Cấp lại GCN trong trường hợp GCN của tổ chức KHCCN bị rách, nát.
14.	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ 1.001747		10 ngày làm việc	Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính			Gộp tên 07 TTHC: Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên

							<p>cơ quan quyết định thành lập, cơ quan quản lý trực tiếp; đăng ký thay đổi tên; đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính; đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính (dẫn đến thay đổi cơ quan cấp giấy chứng nhận); đăng ký thay đổi vốn; đăng ký thay đổi người đứng đầu; đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ.</p>
15.	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động		15 ngày làm	3.000.000 đồng.			

	lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ 1.001716		việc				
16.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ 1.001693	x	10 ngày làm việc	1.000.000 đồng.		Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	Gộp tên 02 TTHC: Cấp Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ trong trường hợp GCN hoạt động bị rách, nát; bị mất.
17.	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ 1.001677		10 ngày làm việc	Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính			Gộp tên 05 TTHC: Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên; đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở; đăng ký thay đổi người đứng

						đầu; đăng ký thay đổi thông tin; đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực; đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ
18.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) 2.002248		05 ngày làm việc	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.		- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
19.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung		05 ngày làm việc	Đối với các hợp đồng chuyển giao	Trung tâm Phục vụ	- Luật Chuyển giao công nghệ số

	chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) 2.002249			công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.	hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
20.	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh 1.000142		30 ngày làm việc. Trong đó, 23 ngày làm việc tại Sở Khoa học và Công nghệ; 07 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ. - Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BKHCN-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2014 quy định việc định giá kết	Thẩm quyền Quyết định: UBND tỉnh

						quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ sử dụng ngân sách nhà nước.	
21.	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu 1.002935		25 ngày làm việc. Trong đó, 18 ngày làm việc tại Sở Khoa học và Công nghệ; 07 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không			Thẩm quyền Quyết định: UBND tỉnh
22.	Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu 2.001164		25 ngày làm việc. Trong đó, 18 ngày làm việc tại Sở Khoa học và Công nghệ; 07 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	Thẩm quyền Quyết định: UBND tỉnh
23.	Mua sáng chế, sáng kiến 2.001148		25 ngày làm việc. Trong đó, 18 ngày làm việc tại Sở Khoa học và Công nghệ; 07 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	Không		Thẩm quyền Quyết định: UBND tỉnh	
24.	Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ 2.001143		- Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong	Không		Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013; - Luật Chuyển giao

			<p>thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.</p> <p>- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.</p>		<p>Lai thành phố Huế</p> <p>công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	
25.	<p>Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ 2.001137</p>		<p>- Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.</p> <p>- Công bố công khai nhiệm vụ</p>	Không	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế</p>	<p>Thẩm quyền Quyết định: UBND tỉnh</p>

			<p>khoa học và công nghệ trên công thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.</p>			
26.	<p>Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ 1.002690</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ. - Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên công thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê 	Không	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế</p>	<p>Thẩm quyền Quyết định: UBND tỉnh</p>

			duyet nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.				
27.	Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ 2.001643		<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ. - Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ. 	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013; - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 33/2014/TT-BKHCN ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. 	Thẩm quyền Quyết định: UBND tỉnh
28.	Xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ 2.001179		10 ngày làm việc (hoặc 20 ngày)	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016; - Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 	Thẩm quyền Quyết định: UBND tỉnh

					Lai thành phố Huế	<p>01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ. - Thông tư số 14/2017/TT-BKHCN ngày 01/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. 	
II							
Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân (07 TTHC)							
29.	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế 2.002131	x	05 ngày làm việc	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008. - Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế quy định về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế. - Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN-BYT ngày 05/9/2018 	

						của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
30.	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế) 2.000086		11 ngày làm việc	Phí thẩm định theo Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008; - Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế quy định về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế; - Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN-BYT ngày 05/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
31.	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế). 2.000081		10 ngày làm việc				
32.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế) 1.000184		10 ngày làm việc	Không			
33.	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế). 2.000069	x	10 ngày làm việc	Không			
34.	Cấp mới và cấp lại chứng chỉ		09 ngày làm việc	200.000			
						- Thông tư số	Sửa tên TTHC: Cấp

	nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế) 2.002254					287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.	và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)
35.	Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang y tế) 2.000065		10 ngày làm việc	500.000		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008; - Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế quy định về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế; - Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN-BYT ngày 05/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 25/2014/TT-BKHCN ngày 08/10/2014 của Bộ Khoa học và Công 	

						nghệ; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.	
III	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (06 TTHC)						
36.	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp 1.003542	x	30 ngày	250.000		- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009; - Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN ngày 25/02/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	
37.	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp 2.001483	x	15 ngày	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế		
38.	Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý) 2.000419		Không quy định tổng thời gian	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ; - Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14	

						<p>tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. 	
39.	<p>Thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý) 2.000912</p>		15 ngày hoặc 30 ngày	Không	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ; - Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 03/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. 	
40.	Chấm dứt hợp đồng trong quá		07 ngày làm việc	Không	Trung tâm	- Luật Khoa học và Công	

	trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý) 2.000905				Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	<p>nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ; - Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 03/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. 	
41.	Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý) 2.000895		Không quy định tổng thời gian	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ; - Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 	

						<p>2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BKH-CN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	
IV	Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường, Chất lượng (19 TTHC)						
42.	Công bố sử dụng dấu định lượng 2.000212		03 ngày làm việc	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	<p>- Luật Đo lường năm 2011;</p> <p>- Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 21/2014/TT-BKH-CN ngày 15/7/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	Chuẩn hóa tên TTHC: Tiếp nhận công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn
43.	Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng 1.000449		05 ngày làm việc	Không		<p>- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011</p> <p>- Nghị định 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của</p>	

						<p>Chính phủ; - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	
44.	<p>Đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng hàng đóng gói sẵn nhập khẩu 1.000438</p>		13 ngày làm việc	Không	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế</p>	<p>- Luật Đo lường năm 2011 - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ; - Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	<p>Sửa tên TTHC: Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng hàng đóng gói sẵn nhập khẩu.</p>
45.	<p>Cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân 2.002253</p>		15 ngày làm việc	Không		<p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21/11/2007. - Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005.</p>	

						<ul style="list-style-type: none"> - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013. - Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ. - Thông tư số 06/2009/TT-BKHCN ngày 03/4/2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. 	
46.	Cấp mới Giấy phép vận chuyên hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa 1.006851		05 ngày làm việc	Theo quy định hiện hành của pháp luật về phí, lệ phí.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ; - Thông tư số 	
47.	Cấp bổ sung Giấy phép vận chuyên hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa 2.002231		05 ngày làm việc	Theo quy định hiện hành của pháp luật về phí, lệ phí.		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 	

48.	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa 2.002232	x	02 ngày làm việc	Theo quy định hiện hành của pháp luật về phí, lệ phí.		09/2016/TT-BKHHCN ngày 09/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 09/2018/TT-BKHHCN ngày 01/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
49.	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận 2.001209		05 ngày làm việc	150.000 đồng		- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006. - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ. - Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
50.	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh 2.001207		05 ngày làm việc	150.000 đồng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	

						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	
51.	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành 2.001277		05 ngày làm việc	150.000 đồng		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006. 	
52.	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành 2.001268		05 ngày làm việc	150.000 đồng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ. - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công 	

						<p>nghệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	
53.	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ 2.002118		01 ngày làm việc hoặc 03 ngày làm việc	Không	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa. - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN ngày 16/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa 	Sửa tên TTHC: Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu

						<p>học và Công nghệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	
54.	<p>Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận</p> <p>2.001208</p>	x	28 ngày làm việc	Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ. 	
55.	<p>Thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định</p> <p>2.001100</p>	x	28 ngày làm việc	Không	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ. 	
56.	<p>Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp</p> <p>2.001501</p>	x	05 ngày làm việc	Không	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ. - Nghị định số 	

						74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.	
57.	Đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia 2.001269		Không quy định	Không		- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định 132/2008/ NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ.	
58.	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu 2.001259		01 ngày làm việc	Không		- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ. - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP	

						ngày 9/11/2018 của Chính phủ.	
59.	Miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu 1.001392		05 ngày làm việc	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai thành phố Huế	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.	
60.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn		15 ngày làm việc	Không		- Luật Đo lường năm 2011; - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của CP; - Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	(Bộ KH&CN chưa công bố) Theo Mục 3, Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị khác

TT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ (05 TTHC)					
1	Thủ tục xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II) 2.000393	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định quá trình xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng II: trong thời hạn 20 ngày làm việc sau khi có kết quả của Hội đồng xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng II. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận kết quả xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng II và gửi kết quả (kèm hồ sơ của các cá nhân đề nghị xét tuyển dụng và bổ nhiệm đặc cách) về Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị có ý kiến. - Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, có ý kiến trả lời. - Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng II. 	Không	Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; - Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; - Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2015 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính.
2	Thủ tục xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV), nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III) 1.000820	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xét chọn của Hội đồng xét tuyển dụng đặc cách, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp có hoạt động khoa học và công nghệ (hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét tuyển dụng đặc cách viên chức) xem xét, quyết định công nhận kết quả xét tuyển dụng đặc cách viên chức. 	Không		

		- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả xét tuyển dụng đặc cách viên chức, thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ (hoặc thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét tuyển dụng đặc cách viên chức) ra quyết định tuyển dụng đặc cách viên chức và bổ nhiệm vào hạng chức danh.			
3	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác 1.000809	Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xét bổ nhiệm đặc cách của Hội đồng, cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm đặc cách thông báo kết quả xét và quyết định bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác.	Không		
4	Thủ tục xem xét kéo dài thời gian công tác khi đủ tuổi nghỉ hưu cho cá nhân giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập 2.000461	Quyết định kéo dài thời gian công tác được gửi cho tổ chức, cá nhân có liên quan biết trước thời điểm nghỉ hưu ít nhất 06 tháng.	Không		- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; - Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.
5	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ 1.001536	45 ngày làm việc	Không	Quỹ phát triển khoa học và Công nghệ	- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; - Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 của liên Bộ KHCN và Bộ Tài chính.